TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 11 - 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai.

2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thanh T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị T - sinh năm: 1972 (*có mặt*).
Địa chỉ: 17/3, ấp Q, xã K, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh N - sinh năm: 1970 (*có mặt*).
Địa chỉ (*ĐKHKTT*): 208/2, ấp Q, xã K, TP S, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ (*chỗ ở hiện nay*): 17/3, ấp Q, xã K, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị T trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu về pháp luật, điều kiện gia đình khó khăn, lo làm ăn nên không nghĩ đến chuyện đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu, không phụ, tiếp giúp gì được cho chị T về kinh tế gia đình. Ngoài ra anh N còn có

quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào năm 2017, vợ chồng cự cãi do chị T đi chợ tết về muộn, anh N đánh chị T bầm mặt. Thời gian gần đây, anh N thường xuyên đi chơi với bạn gái, không liên lạc về cho gia đình. Khoảng 01 tháng nay, chị T đã về nhà mẹ ruột sống, anh N cũng không tới lui, không liên lạc điện thoại thăm hỏi, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, cuộc sống hôn nhân với anh N không có hạnh phúc, chị T yêu cầu được ly hôn anh N.

Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh N không có hạnh phúc, chị T không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh N. Chị T yêu cầu được ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên D - sinh năm: 1991, con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận. Chị T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định là không có, không tranh chấp. Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh N trình bày*:**

- Về hôn nhân: Anh N và chị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị T đi chợ tết về lâu, anh N nóng giận nên vợ chồng cự cãi, anh N có lấy tay quơ trúng mặt chị T làm chị T bị trầy mặt. Sau đó anh N cũng có xin lỗi chị T. Ngoài ra anh N không có quan hệ tình cảm với ai khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 tháng nay, chị T không còn quan tâm, lo lắng cho anh N. Nay anh N nhận thấy vẫn còn thương chị T, nên anh N không đồng ý ly hôn chị T.

Tại phiên tòa, anh N xác định mặc dù vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ nhau, anh N có đánh T bầm mặt nhưng anh N vẫn còn thương chị T, anh N mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, vợ chồng cùng chung sống lo lắng cho nhau. Anh N không đồng ý ly hôn chị T.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên D - sinh năm: 1991, con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Anh N và chị T tự thỏa thuận. Anh N xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh N xác định là không có, không tranh chấp. Anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Văn N.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên D - sinh năm: 1991, con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống như vợ chồng từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, chị T và anh N phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị T và anh N đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân

giữa chị T và anh N không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống như vợ chồng; giữa chị T và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, chị T không còn thương yêu, quan tâm lo lắng cho anh N. Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh N và có yêu cầu được ly hôn anh N.

Về phía anh N, mặc dù không đồng ý ly hôn chị T, anh N vẫn còn tình cảm với chị T. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống như vợ chồng, giữa anh N và chị T thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh N cũng thừa nhận là ít quan tâm đến chị T, thường hay nhậu với bạn bè, cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau, trong lúc nóng giận anh N có đánh chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu vợ chồng giữa chị T và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị T yêu cầu được ly hôn anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; nhưng do chị T và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

Do đó, xét yêu cầu của chị T yêu cầu ly hôn anh N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên D - sinh năm: 1991, con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do các bên đương sự, chị T và anh N cùng xác định là tự thỏa thuận; chị T và anh N không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh N cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị T nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp ngày 07/10/2019 theo biên lai thu số 0004040 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

(Đã ký)

Trần Quốc Danh